

Bản án số: 602 /2019/HC-PT

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 163/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 1181/2018/HC-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1812/2019/QĐPT- HC ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: đường số 13, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh** (Đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: đường L1, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà **Lê Thị Diễm Th** – Phó Trưởng Phòng Pháp chế Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông **Phạm Gia H** – Phó Trưởng Phòng Pháp chế Sở Tài Nguyên và Môi

trường Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường T1, phường T1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Nguyễn Thành Tr**, chức vụ: Phó Trưởng Phòng TN-MT Quận 7

- Ông **Trần Thanh T**, chức vụ: Chuyên viên Phòng TN-MT Quận 7 (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1952.

Địa chỉ: cư xá V, B1, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Vũ Thị Ngọc H**

Địa chỉ: đường L2, tổ 5, khu phố 2, phường T2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2016, bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H có bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 08/4/1992, ông H có sang nhượng hai ao lớn và một gò đất của ông Trần Thanh H1 với diện tích 1020m² để canh tác nuôi gà, trồng rau muống, trồng dừa...

Ngày 01/3/1993 ông H có kê khai và đóng thuế đất đến năm 1995.

Năm 2002 ông H bị lập biên bản vi phạm hành chính san lấp trái phép đất nông nghiệp, lúa.

Từ năm 1995 đến năm 2005 có thông báo đất của ông H thuộc quy hoạch xây dựng cầu Kênh tẻ. Đến năm 2005 cầu Kênh tẻ được xây dựng xong nhưng đất của ông H không bị ảnh hưởng.

Năm 2006, ông H khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường T2, Quận 7 về việc tranh chấp đất với bà Nguyễn Hồng L. Sau đó, ông H tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận 7, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung bác đơn khiếu nại của ông H với lý do ông H không trực tiếp sử dụng đất ở.

Ngày 10/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6800/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung công nhận Quyết định số 23/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì lý do sau:

- Việc cho rằng ông H không kê khai đất qua các thời kỳ là không đúng sự thật. Ông H đã nộp tờ kê khai đất năm 1993.

- Việc cho rằng bà L có quá trình sử dụng ổn định phần đất tranh chấp là không đúng vì phần đất trên nằm trong diện quy hoạch và ông H đã đi khiếu nại từ năm 2006. Do đó, không thể coi là bà L sử dụng ổn định.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ông Nguyễn Thành Phong có đơn xin vắng mặt.

Tòa án công bố Văn bản trình bày ý kiến số 3374/UBND-NCPC ngày 30/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần đất tranh chấp diện tích 45m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu H nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn H1 vào năm 1992 với diện tích 1.020m², việc chuyển nhượng được thực hiện bằng giấy tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông H tiếp tục sử dụng phần đất trên đến năm 1995, từ năm 1996 đến nay, ông H không còn ở khu đất trên. Ông H không kê khai đăng ký đất qua các thời kỳ, không có quá trình sử dụng đối với phần đất tranh chấp.

Ngày 02/8/1995, ông Trương Văn Nh lập giấy tay chuyển nhượng phần đất diện tích 45m² cho bà Đỗ Thị H. Ngày 23/6/1996, bà Đỗ Thị H lập giấy tay chuyển nhượng phần đất trên cho ông Nguyễn Công M. Ông M xây dựng căn nhà mái tole vách ván để ở. Ngày 14/3/2002, ông Nguyễn Công M lập giấy tay chuyển nhượng phần nhà đất nêu trên cho bà Nguyễn Hồng L. Bà L xây dựng lại nhà và sử dụng trực tiếp cho đến nay. Từ năm 1995, bà H đã sử dụng đất và chuyển nhượng cho bà Nguyễn Hồng L nhưng ông H không có ý kiến gì. Đến năm 2006, ông H mới có tranh chấp với bà Nguyễn Hồng L vì cho rằng ông Trương Văn Nh tự ý bán đất của ông cho bà Đỗ Thị H và hiện bà L đang sử dụng. Ông Nh cho biết ông ký tên trên giấy tay bán đất dùm cho ông Nguyễn Hữu H và ông đã đưa cho ông H toàn bộ số tiền bán đất, mỗi lô đất bán được ông H cho ông Nh 05 phân vàng. Tuy nhiên, ông Nh không chứng minh được việc ông H nhờ bán đất. Ông H thừa nhận có nhờ ông Nh làm môi giới sang nhượng đất và mỗi lô đất sang nhượng sẽ cho ông Nh 05 phân vàng, ông không biết việc ông Nh ký tên bán đất cũng như không nhận tiền của ông Nh. Việc tranh chấp dân sự giữa ông Nguyễn Hữu H và ông Trương Văn Nh (nếu có) sẽ do Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định.

Khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai năm 2003 quy định: “*Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua hình thức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định; quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất*” nay được quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai 2013: “*Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định*”.

Do đó, việc ông Nguyễn Hữu H tranh chấp, đòi lại đất của bà Nguyễn Hồng L là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giữ nguyên Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015. Đề nghị Tòa

án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H, công nhận nội dung Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện bà Lê Thị Diễm Th trình bày:

Thông nhất với Văn bản trình bày ý kiến số 3374/UBND-NCPC ngày 30/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận 7 là ông Nguyễn Thành Tr và ông Trần Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ giải quyết tranh chấp đòi lại đất của ông Nguyễn Hữu H đối với hộ bà Nguyễn Hồng L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 qua xem xét đã có Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 bác đơn tranh chấp đòi đất bị chiếm dụng của ông Nguyễn Hữu H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Hồng L, với nội dung công nhận Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7.

Ủy ban nhân dân Quận 7 đã tổ chức thực hiện Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 và đã có báo cáo số 714/BC-UBND ngày 01/02/2016 báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đã tổ chức thực hiện Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

Chúng tôi bảo lưu nội dung theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 và chấp thuận thực hiện theo Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng L do bà Vũ Thị Ngọc H trình bày:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Năm 1995, bà Đỗ Thị H mua giấy tay từ ông Trương Văn Nh. Năm 1996, bà Đỗ Thị H bán cho ông Nguyễn Công M bằng giấy tay. Ngày 14/3/2002, bà Nguyễn Hồng L mua bằng giấy tay của ông Nguyễn Công M một căn nhà ngang 4,5m x dài 10m = 45m², nhà cấp 4 nền gạch, vách lá, mái tôn bằng giấy tay, có sự chứng kiến của tổ trưởng và hàng xóm gần đó. Năm 2006, cất nhà và ở ổn định cho đến nay. Trong quá trình xây dựng nhà có bị lập biên bản vi phạm hành chính. Hàng năm bà có kê khai đất và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Hồng L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bản án hành chính sơ thẩm số 1181/2018/HC-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32; Khoản 1, điểm a Khoản 2, Điều 116; điểm d Khoản 2 Điều 157, Khoản 1 Điều 158; Điều 173, điểm a Khoản 2, Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H yêu cầu hủy Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Hồng L.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng.

Về nội dung: Ông H không có quá trình sử dụng đất, không có ý kiến gì khi bà L cũng như những người trước đó quản lý, sử dụng đất và xây nhà. Chính vì vậy, quyết định giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

[2.1] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn khởi kiện ngày 27/4/2016 của ông Nguyễn Hữu H yêu cầu hủy Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/5/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 10/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6800/QĐ-UBND. Ngày 27/4/2016, Tòa án nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H yêu cầu hủy Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên.

Căn cứ Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2.3] Về thẩm quyền và trình tự ban hành:

Quyết định giải quyết tranh chấp: Ngày 10/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015. Xét thấy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 là không trái với thẩm quyền và trình tự được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[2.4] Về nội dung:

Ông Nguyễn Hữu H yêu cầu hủy Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Hồng L. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 45m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu H nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn H1 vào năm 1992 với diện tích 1.020m², việc chuyển nhượng được thực hiện bằng giấy tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông H tiếp tục sử dụng phần đất trên đến năm 1995. Từ năm 1996 đến nay, ông H không còn ở khu đất trên. Ông H không kê khai đăng ký đất qua các thời kỳ, không có quá trình sử dụng đối với phần đất tranh chấp.

Ngày 02/8/1995, ông Trương Văn Nh lập giấy tay chuyển nhượng phần đất diện tích 45m² cho bà Đỗ Thị H. Ngày 23/6/1996, bà Đỗ Thị H lập giấy tay chuyển nhượng phần đất trên cho ông Nguyễn Công M. Ông M xây dựng căn nhà mái tole vách ván để ở. Ngày 14/3/2002, ông Nguyễn Công M lập giấy tay chuyển nhượng phần nhà đất nêu trên cho bà Nguyễn Hồng L. Bà L xây dựng lại nhà và sử dụng trực tiếp cho đến nay. Từ năm 1995, bà H đã sử dụng đất và chuyển nhượng cho bà Nguyễn Hồng L nhưng ông H không có ý kiến gì. Đến năm 2006, ông H mới có tranh chấp với bà Nguyễn Hồng L vì cho rằng ông Trương Văn Nh tự ý bán đất của ông cho bà Đỗ Thị H và hiện bà L đang sử dụng. Ông Nh cho biết ông ký tên trên giấy tay bán đất dùm cho ông Nguyễn Hữu H và ông đã đưa cho ông H toàn bộ số tiền bán đất, mỗi lô đất bán được ông H cho ông Nh 05 phân vàng. Ông H thừa nhận có nhờ ông Nh làm môi giới sang nhượng đất và mỗi lô đất sang nhượng sẽ cho ông Nh 05 phân vàng, ông không biết việc ông Nh ký tên bán đất cũng như không nhận tiền của ông Nh.

Năm 1995, bà Đỗ Thị H mua giấy tay từ ông Trương Văn Nh. Năm 1996, bà Đỗ Thị H bán cho ông Nguyễn Công M bằng giấy tay. Ngày 14/3/2002, bà Nguyễn Hồng L mua bằng giấy tay của ông Nguyễn Công M một căn nhà ngang 4,5m x dài 10m = 45m², nhà cấp 4 nền gạch, vách lá, mái tôn bằng giấy tay, có sự chứng kiến của tổ trưởng và hàng xóm gần đó. Năm 2006 cất nhà và ở ổn định cho đến nay. Trong quá trình xây dựng nhà có bị lập biên bản vi phạm hành chính. Hàng năm bà

có kê khai đất và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Như vậy, ở trường hợp này có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Hồng L không phải là người chiếm dụng đất trái phép của ông Nguyễn Hữu H.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai năm 2003 quy định: *“Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua hình thức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định; quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất”* nay được quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai 2013: *“Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định”*.

Và căn cứ Khoản 3 Điều 49, Điều 50 và Điều 51 Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ Khoản 1 Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 bác đơn tranh chấp đòi đất bị chiếm dụng của ông Nguyễn Hữu H. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Hồng L với nội dung công nhận Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông H kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của ông là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1181/2018/HC-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H yêu cầu hủy Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Hồng L.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu số 0049699 ngày 14/9/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự ;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười